

Bản án số: 05/2024/DS-ST.

Ngày: 22 - 5 - 2024.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm, bà Nguyễn Thị Tường Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tư – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 03/2024/TLST- DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST – DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 đối với các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ: LP Bank Tower – số 210 T – phường T – quận H – Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền: Ông Trương Vĩnh T1 – Chức vụ Giám đốc Chi nhánh T - Ngân hàng TMCP B.

Người được uỷ quyền lại: Ông Lê Văn L – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch V - Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh T.

Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh T – Phòng giao dịch V – Khu 3, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Có mặt.

2- Bị đơn: Ông Phạm Văn S – sinh năm 1983.

Bà Bùi Thị T – sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn C 2, xã Q, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Ngân hàng TMCP B, bản tự khai ngày 25/01/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/3/2021, vợ chồng ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD96B202128 với ngân hàng TMCP B – Chi nhánh T – Phòng giao dịch V với số tiền vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay để mua sắm vật dụng trong gia đình. Lãi suất cho vay 18%/năm theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân. Điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày. Phương thức trả nợ: Gốc, lãi trả vào ngày 08 hàng tháng, số tiền đã được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số HDTD96B202128 ngày 15/3/2021. Khi vay không có tài sản đảm bảo.

Kể từ tháng 5/2023, ông S, bà T đã vi phạm hợp đồng, không trả lãi và gốc đầy đủ cho Ngân hàng theo như thoả thuận, Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng ông S, bà T vẫn cố tình không trả, không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tính đến ngày 25/01/2024, tổng số tiền ông S, bà T đã trả cho ngân hàng là 50.213.084 đồng, trong đó gốc là 37.750.087 đồng; lãi 12.462.997 đồng (lãi trong hạn và lãi quá hạn). Số tiền còn nợ ngân hàng tạm tính đến ngày 25/01/2024 là 15.039.328 đồng (cả gốc và lãi), trong đó nợ gốc là 12.249.913 đồng, nợ lãi là 2.789.390 đồng.

Vi vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện huyện Vĩnh Lộc xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông Phạm Văn S và bà Bùi Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc đã vay còn lại là: 12.249.913 đồng (*mười hai triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm mười ba đồng*) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Bị đơn ông Phạm Văn S và bà Bùi Thị T sau khi thụ lý vụ án đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của ông S, bà T.

Tại Biên bản xác minh ngày 06/02/2024, Công an xã Q, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nơi ông Phạm Văn S và bà Bùi Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: ông Phạm Văn S và bà Bùi Thị T là vợ chồng có hộ khẩu thường trú tại thôn C 2, xã Q và lâu nay vẫn cư trú tại thôn C 2, xã Q, huyện Vĩnh Lộc.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông S, bà T phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng số tiền nợ gốc đã vay còn lại là 12.199.905 đồng (làm tròn số = 12.199.900 đồng) và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử 22/5/2024 là 4.270.884 đồng (làm tròn số = 4.270.900 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử là 16.470.800 đồng (*mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng*).

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đã vi phạm các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Bị đơn là ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do vợ chồng ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà T phải trả số tiền nợ gốc đã vay còn lại và tiền lãi phát sinh. Ông S, bà T có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T đến Tòa án để làm bản tự khai nhưng ông S, bà T không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không có lời khai của ông S, bà T. Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng ông S, bà T không đến Tòa án. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt ông S, bà T và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho ông S, bà T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông S, bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông S, bà T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông S, bà T không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng TMCP B và ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T đã được hai bên thống nhất, thỏa thuận, ký kết, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, Hợp đồng tín dụng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân cho vợ chồng ông S, bà T vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa án làm việc cho dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án. Do ông S, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án theo khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số HĐTD96B202128 ngày 15/3/2021, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 15/3/2021 cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Ngày 15/3/2021 Ngân hàng TMCP B đã cho ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T vay số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), cùng ngày ông S, bà T đã nhận đủ số tiền được vay. Thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 15/3/2024, lãi suất tại thời điểm cho vay là 18%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ gốc quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận là 10%/năm. Phương thức điều chỉnh lãi suất: áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi vào ngày 08 hàng tháng, không ân hạn. Kể từ tháng 5/2023, ông S, bà T đã không trả nợ đúng hạn theo các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ngày 15/3/2021. Ngân hàng đã thực hiện nhiều biện pháp để đôn đốc thu hồi nợ nhưng ông S, bà T vẫn cố tình không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tính đến ngày xét xử (ngày 22/5/2024) ông S, bà T mới trả cho ngân hàng số tiền gốc là 37.800.100 đồng (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn một trăm đồng). Như vậy, số tiền nợ gốc ông S, bà T còn phải trả cho ngân hàng là 12.199.900 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T phải trả khoản tiền nợ gốc còn lại là 12.199.900 đồng (mười hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với khoản tiền lãi: Tại nội dung của hợp đồng tín dụng số HĐTD96B202128 ngày 15/3/2021, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 15/3/2021 thì kỳ hạn trả lãi vào ngày 08 hàng tháng, không ân hạn. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 18%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ gốc quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm. Phương thức điều chỉnh lãi suất áp dụng lãi

suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 03 tháng /lần. Vì vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết nên ngân hàng yêu cầu ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T phải thanh toán khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (ngày 22/5/2024) theo mức lãi suất mà hai bên đã ký kết trong hợp đồng là 4.270.900 (bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn chín trăm đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Do ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết nên Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà T phải trả số tiền gốc còn lại và tiền lãi phát sinh là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc còn nợ và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 22/5/2024 là 16.470.800 đồng (mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày 23/5/2024 ông S, bà T còn phải tiếp tục chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B được chấp nhận nên ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, Điều 177, khoản 3 Điều 210, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, khoản 1 Điều 351, Điều 353, 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468, 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 1, 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

Buộc ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc còn lại là 12.199.900 đồng (mười hai triệu một trăm chín mươi chín nghìn chín trăm đồng) và tiền lãi phát sinh là 4.270.900 (bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn chín trăm đồng). Tổng số tiền cả gốc và lãi phải trả là: 16.470.800 đồng (mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày 23/5/2024 ông S, bà T còn phải tiếp tục chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

-Về án phí: Buộc ông Phạm Văn S, bà Bùi Thị T phải có trách nhiệm nộp 823.500 đồng (tám trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0006059 ngày 19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang